TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST Ngày: 25/01/2024	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hoa**; Ông **Nguyễn Văn Đức**.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q.

- *Đại diện Viện KSND huyện Q* tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Nguyệt A**, sinh năm 1992;

HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Mai Hữu N**, sinh năm 1990;

HKTT và nơi ở: Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 144 trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tại thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2023 và các tài liệu khác có trong hồ sơ; quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Hoàng Nguyệt A trình bày:*

Tôi và anh Mai Hữu N tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì đến ngày 21/09/2017 chúng tôi đi đăng kí kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, do chưa có chỗ ở riêng nên chúng tôi chuyển về sống cùng nhà với mẹ tôi ở thôn 5 xã P

cho đỡ tốn kém. Trong thời gian sống cùng nhà với mẹ tôi, anh N ít khi về nhà do điều kiện công tác, nhưng mỗi lần về nhà đều hay uống rượu say rồi gây sự. Đỉnh điểm có lần anh uống rượu say rồi đập phá đồ đạc, yêu cầu tôi phải theo anh về quê ngay trong đêm. Sau sự kiện đó, mẹ tôi cho vợ chồng tôi ra ở riêng chỗ khác. Sau đó chúng tôi đi thuê trọ ở thôn 6 xã P ở để tránh va chạm. Nhưng sau khi ở riêng thì mâu thuẫn ngày càng lớn chủ yếu do không có tiếng nói chung; Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 7/2022 do tôi không thể chịu đựng được nữa nên tôi quyết định ly thân, trở về nhà mẹ sống cho đến nay. Khi tôi sống ly thân anh N có mấy lần đến gọi về nhưng tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi không về. Mấy lần anh N đi uống rượu ở đâu về đập cửa vào ban đêm gọi tôi về nhưng tôi không về gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự; Anh N nhiều khi ghen tuông thái quá xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tôi và gia đình tôi. Mặc dù được hai bên gia đình đã khuyên ngăn, hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh N có nhiều lời lẽ đe doạ đến cuộc sống của tôi khiến tôi không dám quay trở về sống chung và cũng không dám làm đơn ly hôn. Đến nay tôi không còn tình cảm với anh N và anh N cũng đã hết tình cảm và trách nhiệm đối với tôi. Để tốt nhất cho cả hai tôi quyết định lựa chọn ly hôn là phương án cuối cùng. Do đó, tôi đề nghị Toà xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn anh N để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng tôi chưa có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chúng tôi mới kết hôn một thời gian ngắn nên chưa có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Mai Hữu N, đồng thời đã tiến hành xác minh tại đơn vị Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 144 nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2023 bà Nguyễn Thị Cúc trình bày:*

Tháng 9 năm 2017 tôi tổ chức cưới cho chị Hoàng Nguyệt A và anh Mai Hữu N. Tôi thấy hai cháu thực sự yêu thương nhau nên sau hơn 01 năm tìm hiểu, tôi đồng ý cho chị A lấy anh N. Anh N quê ở Nam Định nhưng đi bộ đội ở tiểu đoàn 2, lữ đoàn 144 thuộc thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Còn chị A làm công chức văn hóa xã hội ở UBND xã P. Trước khi cưới tôi đã bảo với anh N là tôi sinh con một bề nên tôi mong muốn hai cháu lấy nhau thì về chung sống cùng với tôi, anh N đồng ý. Cưới xong anh N và chị A sống chung với nhau luôn tại nhà tôi ở thôn 5, xã P nhưng được 02 năm thì anh chị chuyển đi thuê trọ ở thông 6, xã P sống.

Nguyên nhân là do anh N bị mang tâm lí đi ở nhờ nhà vợ. Anh N ở đơn vị là chính nhưng mỗi lần anh N được nghỉ phép về là lại bạn bè, rượu chè; tôi và chị A bảo nhưng không nghe, anh N vẫn cứ rượu chè, xong say lại đập phá lung tung, nói

năng xúc phạm chị A rất nhiều lần. Vì chị A làm công chức văn hóa ở xã nên có đi giao lưu nhiều, mà anh N lại tính hay ghen nên xúc phạm chị A, bảo con tôi đi với ông này anh nọ làm con tôi khóc rất nhiều. Vợ chồng vì thế cứ xảy ra mâu thuẫn.

Đến năm 2019 một anh N về nhà tụ tập bạn bè hát Karaoke đến khoảng 11 giờ 30 phút đêm, tôi mới bảo anh Nguyệt ngừng hát để cho mọi người ngủ, anh N không nghe nên tôi bảo đây là nhà của tôi thì anh N tức mình đập phá cửa, tủ, lấy xăng đốt ga đệm ngay trong đêm. Hôm sau anh N và chị A chuyển ra ngoài thuê trọ ở. Khi vợ chồng ra ở riêng, tôi thấy anh N vẫn chứng nào tật nấy, cứ rượu vào là lại nói chị A không ra gì. Mà mỗi lần ghen là không ai nói nổi anh N, mâu thuẫn vợ chồng cứ thế kéo dài và căng thẳng thêm.

Khoảng giữa năm 2020, thủ trưởng đơn vị của anh N có về nhà tôi để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, một phần cũng lo sợ anh N về nhà tôi lại quậy phá. Khi đó chị A không muốn về với anh N nhưng do anh N đang nóng tính, có bảo với chị Anh là "Mày nghĩ bỏ tao là dễ lắm à, mày chết thì tao cũng chết", chị A cũng sợ nên lại về ở với anh N.

Đến năm 2021 anh N và chị A tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị A chuyển về ở hẳn với tôi. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Anh N mấy lần đến nhà tôi quấy rối, mấy đêm cứ đến ngồi ngoài cổng để bắt chị A phải về sống cùng anh. Có một lần anh N còn bịa chuyện gọi cho Công an huyện bảo tôi giữ người trái phép khiến Công an huyện phải dàn xếp mới xong. Tôi và chị A đều sợ anh N nên không dám mở cổng cho anh N vào nhà.

Nay chị A làm đơn xin ly hôn anh N, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên cũng không còn gắn bó, yêu thương nhau nữa nên tôi đề nghị Tòa án xử cho chị A được ly hôn anh N để giải phóng cho cả hai người.

Chị A và anh N không có con chung, không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại biên bản làm việc ngày 31/10/2023, ông Ngô Thành T, Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 144 xác nhận: Ngày 25/10/2023, đơn vị đã nhận được Công văn số 183/CV-TA đề nghị thủ trưởng đơn vị Lữ đoàn 144 trực thuộc bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tạo điều kiện sắp xếp thời gian để Tòa án cùng chính quyền địa phương tiến hành công tác hòa giải, đoàn tụ giữa chị Hoàng Nguyệt A và anh Mai Hữu N vào hồi 14 h 30 phút ngày 31/19/2023 tại trụ sở đơn vị nhưng anh N không hợp tác, từ chối gặp và làm việc với Tòa án.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không

có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

- **Về tố tụng**: Việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Còn bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Nguyệt A và anh Mai Hữu N trước khi cưới có tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn ngày 21/9/2017 tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã nhau nặng lời. Anh N là người hay ghen, cứ rượu vào lời ra không kiểm soát được nên có nói năng xúc phạm chị A nhiều lần. Vợ chồng cũng đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn lại tình cảm. Vì vậy nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị A làm đơn xin ly hôn anh N, còn anh N từ chối trình bày tại Tòa. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng; Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xử chị A ly hôn anh N.

Về con chung: Chị A và anh N không có con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị A và anh N không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]*Về tố tụng*:

Anh Mai Hữu N là quân nhân có hộ khẩu Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 144 trực thuộc Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tại thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn cố tỉnh lẩn tránh, không đến Tòa làm việc. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần 1 và tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2]*Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Nguyệt A và anh Mai Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lý do chị A xin ly hôn anh N là vì cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp, hai bên vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, gây áp lực cho nhau mặc dù anh N ở trong đơn vị là chính nhưng mỗi khi được nghỉ phép về nhà là lại uống rượu, rồi lại hay ghen nên có lời lẽ xúc phạm chị A khiến cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn lại được. Vì vậy chị A đã có đơn xin ly hôn anh N, còn anh N từ chối trình bày quan điểm. Căn cứ các lời khai và biên bản xác minh có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng; Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị A, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị A được ly hôn với anh N.

[2.2] *Về con chung:* Chị A và anh N không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị A và anh N không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Chị A chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Xin ly hôn"* của chị Hoàng Nguyệt A đối với anh Mai Hữu N.

1. Về hôn nhân: Xử: Chị **Hoàng Nguyệt A** ly hôn anh **Mai Hữu N**.

2. Về con chung: Chị A và anh N không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công sức chung: Chị A và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị A và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000798 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Thanh